

BỘ 150 CÂU HỎI TRẮC NGHIỆM
QUẢN TRỊ CHUỖI CUNG ỨNG & LOGISTICS
(Chi tiết, đáp án gạch chân)

1. Quản trị gồm mấy chức năng cơ bản theo mô hình cổ điển của Fayol?

A. 2

B. 3

C. 4

D. 5

2. Chức năng 'lập kế hoạch' trong quản trị bao gồm điều gì?

A. Xác định mục tiêu và phương án đạt mục tiêu

B. Tuyển dụng nhân sự

C. Kiểm kê hàng tồn kho

D. Thanh toán nhà cung cấp

3. Chi phí cơ hội (opportunity cost) là gì trong ra quyết định kinh doanh?

A. Chi phí đã chi ra

B. Giá trị tốt nhất bị bỏ lỡ khi chọn một phương án

C. Chi phí cố định

D. Thuế phải nộp

4. Điểm hòa vốn (break-even point) đạt khi:

A. Doanh thu = 0

B. Doanh thu = Chi phí biến đổi

C. Doanh thu = Tổng chi phí (chi phí cố định + biến đổi)

D. Doanh thu > Tổng chi phí

5. Trong phân tích PESTLE, chữ 'E' đại diện cho yếu tố nào?

A. Economic (Kinh tế)

B. Environmental (Môi trường)

C. Ethical (Đạo đức)

D. Educational (Giáo dục)

6. Mô hình 5 lực lượng cạnh tranh của Porter dùng để phân tích điều gì?

A. Năng lực nhân sự

B. Môi trường pháp lý

C. Mức độ cạnh tranh trong ngành

D. Quy trình sản xuất

7. KPI 'On-time delivery' đo lường điều gì?

A. Tỷ lệ giao hàng đúng hạn

B. Số lượng nhân viên giao nhận

C. Số lượng xe

D. Số kho

8. SMART là tiêu chí đặt mục tiêu bao gồm:

A. Specific, Measurable, Achievable, Relevant, Time-bound

B. Simple, Manageable,...

C. Strategic, Measurable,...

D. Specific, Measurable, Ambiguous, Reliable, Time-bound

9. Lean management tập trung chính vào:

A. Giảm lãng phí và tối ưu quy trình

B. Tăng tồn kho

C. Tăng nhân viên

D. Mở rộng thị trường

10. Kaizen trong quản trị được hiểu là:

A. Cải tiến liên tục

B. Thay đổi đột ngột

C. Giảm nhân sự

D. Tăng tồn kho

11. Forecasting định lượng khác định tính ở điểm nào?

A. Dùng số liệu lịch sử và mô hình toán

B. Dựa trên cảm tính

C. Dựa trên khảo sát duy nhất

D. Không khác

12. Mô hình EOQ dùng để tối ưu:

A. Lượng đặt hàng tối ưu để giảm tổng chi phí đặt hàng và tồn kho

B. Số lượng nhân viên

C. Số kho

D. Kích thước pallet

13. Reorder Point (ROP) thường tính dựa trên:

A. Lead time và nhu cầu trung bình

B. Giá thành sản phẩm

C. Quy mô nhà máy

D. Số nhân viên kho

14. Safety stock được sử dụng để:

A. Bù trừ biến động nhu cầu hoặc lead time để tránh stockout

B. Tăng chi phí lưu kho

C. Thay thế FIFO

D. Giảm tốc độ giao

15. Bullwhip effect mô tả hiện tượng:

A. Dao động nhu cầu ngày càng lớn đi lên chuỗi cung ứng do thông tin bị biến dạng

B. Giá giảm

C. Gia tăng SKU

D. Tăng nhân sự

16. ABC Analysis phân loại tồn kho theo tiêu chí:

A. Giá trị tiêu thu/tri giá để tập trung quản lý

B. Trọng lượng

C. Số lượng palet

D. Kích thước

17. MAD (Mean Absolute Deviation) dùng để:

A. Đo độ sai số trung bình tuyệt đối của dự báo

B. Đo thời gian giao hàng

C. Đo số nhân viên

D. Đo kích thước container

18. Cross-docking là kỹ thuật:

A. Chuyển hàng trực tiếp từ nhập khẩu sang xuất giảm tồn kho

B. Lưu kho dài hạn

C. Giao hàng COD

D. Giao hàng nội bộ

19. ERP trong doanh nghiệp thường tích hợp:

A. Tài chính, mua hàng, bán hàng, kho, sản xuất

B. Chỉ kho

C. Chỉ bán hàng

D. Chỉ tài chính

20. WMS hỗ trợ chính cho hoạt động nào?

A. Put-away, picking, packing, kiểm kê

B. Marketing

C. Tuyển dụng

D. Kế toán

21. TMS (Transportation Management System) giúp tối ưu:

A. Tuyến đường, kế hoạch giao và chi phí vận tải

B. Tuyển dụng

C. Kho bãi

D. Marketing

22. RFID khác barcode ở điểm nào?

A. RFID đọc được từ xa và nhiều thẻ cùng lúc, barcode cần line-of-sight

B. RFID rẻ hơn barcode

C. RFID dùng giấy

D. RFID không cần nguồn

23. Blockchain có thể áp dụng trong SCM để:

A. Tăng tính minh bạch và truy xuất nguồn gốc

B. Thay thế nhân viên

C. Tăng chi phí

D. Giảm tốc độ giao

24. IoT trong logistics thường dùng cho:

A. Giám sát vị trí và điều kiện hàng (nhiệt độ, độ ẩm) thời gian thực

B. In invoice

C. Chấm công

D. Tuyển dụng

25. Incoterms dùng để quy định:

A. Nghĩa vụ chi phí và rủi ro giữa người bán và người mua

B. Màu sắc bao bì

C. Số lượng pallet

D. Kích thước kho

26. FOB (Free On Board) chỉ ra người bán chịu rủi ro đến khi:

A. Hàng qua lan can tàu tại cảng xếp hàng

B. Hàng tới kho người mua

C. Hàng tới cảng đích

D. Hàng giao tại cửa khách

27. CIF nghĩa là:

A. Cost, Insurance, Freight - người bán trả cước và bảo hiểm đến cảng đích

B. Người mua trả bảo hiểm

C. Người bán không trả cước

D. Không áp dụng

28. B/L (Bill of Lading) đóng vai trò:

A. Bằng chứng hợp đồng vận chuyển và chứng từ sở hữu hàng

B. Phiếu lương

C. Hóa đơn bán lẻ

D. Đơn xin phép

29. AWB là vận đơn cho:

A. Hàng không (air waybill)

B. Hàng đường biển

C. Hàng đường bộ

D. Hàng nội bộ

30. Quản trị gồm mấy chức năng cơ bản theo mô hình cổ điển của Fayol?

A. 2

B. 3

C. 4

D. 5

31. Chức năng 'lập kế hoạch' trong quản trị bao gồm điều gì?

A. Xác định mục tiêu và phương án đạt mục tiêu

B. Tuyển dụng nhân sự

C. Kiểm kê hàng tồn kho

D. Thanh toán nhà cung cấp

32. Chi phí cơ hội (opportunity cost) là gì trong ra quyết định kinh doanh?

A. Chi phí đã chi ra

B. Giá trị tốt nhất bị bỏ lỡ khi chọn một phương án

C. Chi phí cố định

D. Thuế phải nộp

33. Điểm hòa vốn (break-even point) đạt khi:

A. Doanh thu = 0

B. Doanh thu = Chi phí biến đổi

C. Doanh thu = Tổng chi phí (chi phí cố định + biến đổi)

D. Doanh thu > Tổng chi phí

34. Trong phân tích PESTLE, chữ 'E' đại diện cho yếu tố nào?

A. Economic (Kinh tế)

B. Environmental (Môi trường)

C. Ethical (Đạo đức)

D. Educational (Giáo dục)

35. Mô hình 5 lực lượng cạnh tranh của Porter dùng để phân tích điều gì?

A. Năng lực nhân sự

B. Môi trường pháp lý

C. Mức độ cạnh tranh trong ngành

D. Quy trình sản xuất

36. KPI 'On-time delivery' đo lường điều gì?

A. Tỷ lệ giao hàng đúng hạn

B. Số lượng nhân viên giao nhận

C. Số lượng xe

D. Số kho

37. SMART là tiêu chí đặt mục tiêu bao gồm:

A. Specific, Measurable, Achievable, Relevant, Time-bound

B. Simple, Manageable,...

C. Strategic, Measurable,...

D. Specific, Measurable, Ambiguous, Reliable, Time-bound

38. Lean management tập trung chính vào:

A. Giảm lãng phí và tối ưu quy trình

B. Tăng tồn kho

C. Tăng nhân viên

D. Mở rộng thị trường

39. Kaizen trong quản trị được hiểu là:

A. Cải tiến liên tục

B. Thay đổi đột ngột

C. Giảm nhân sự

D. Tăng tồn kho

40. Forecasting định lượng khác định tính ở điểm nào?

A. Dùng số liệu lịch sử và mô hình toán

B. Dựa trên cảm tính

C. Dựa trên khảo sát duy nhất

D. Không khác

41. Mô hình EOQ dùng để tối ưu:

A. Lượng đặt hàng tối ưu để giảm tổng chi phí đặt hàng và tồn kho

B. Số lượng nhân viên

C. Số kho

D. Kích thước pallet

42. Reorder Point (ROP) thường tính dựa trên:

A. Lead time và nhu cầu trung bình

B. Giá thành sản phẩm

C. Quy mô nhà máy

D. Số nhân viên kho

43. Safety stock được sử dụng để:

A. Bù trừ biến động nhu cầu hoặc lead time để tránh stockout

B. Tăng chi phí lưu kho

C. Thay thế FIFO

D. Giảm tốc độ giao

44. Bullwhip effect mô tả hiện tượng: (15)

A. Dao động nhu cầu ngày càng lớn đi lên chuỗi cung ứng do thông tin bị biến dạng

B. Giá giảm

C. Giá tăng SKU

D. Tăng nhân sự

45. ABC Analysis phân loại tồn kho theo tiêu chí: (16)

A. Giá trị tiêu thụ/trị giá để tập trung quản lý

B. Trọng lượng

C. Số lượng palet

D. Kích thước

46. MAD (Mean Absolute Deviation) dùng để: (17)

A. Đo độ sai số trung bình tuyệt đối của dự báo

B. Đo thời gian giao hàng

C. Đo số nhân viên

D. Đo kích thước container

47. Cross-docking là kỹ thuật: (18)

A. Chuyển hàng trực tiếp từ nhập khẩu sang xuất giảm tồn kho

B. Lưu kho dài hạn

C. Giao hàng COD

D. Giao hàng nội bộ

48. ERP trong doanh nghiệp thường tích hợp: (19)

A. Tài chính, mua hàng, bán hàng, kho, sản xuất

B. Chỉ kho

C. Chỉ bán hàng

D. Chỉ tài chính

49. WMS hỗ trợ chính cho hoạt động nào? (20)

A. Put-away, picking, packing, kiểm kê

B. Marketing

C. Tuyển dụng

D. Kế toán

50. TMS (Transportation Management System) giúp tối ưu: (21)

A. Tuyến đường, kế hoạch giao và chi phí vận tải

B. Tuyển dụng

C. Kho bãi

D. Marketing

51. RFID khác barcode ở điểm nào? (22)

A. RFID đọc được từ xa và nhiều thẻ cùng lúc, barcode cần line-of-sight

B. RFID rẻ hơn barcode

C. RFID dùng giấy

D. RFID không cần nguồn

52. Blockchain có thể áp dụng trong SCM để: (23)

A. Tăng tính minh bạch và truy xuất nguồn gốc

B. Thay thế nhân viên

C. Tăng chi phí

D. Giảm tốc độ giao

53. IoT trong logistics thường dùng cho: (24)

A. Giám sát vị trí và điều kiện hàng (nhiệt độ, độ ẩm) thời gian thực

B. In invoice

C. Chấm công

D. Tuyển dụng

54. Incoterms dùng để quy định: (25)

A. Nghĩa vụ chi phí và rủi ro giữa người bán và người mua

B. Màu sắc bao bì

C. Số lượng pallet

D. Kích thước kho

55. FOB (Free On Board) chỉ ra người bán chịu rủi ro đến khi: (26)

A. Hàng qua lan can tàu tại cảng xếp hàng

B. Hàng tới kho người mua

C. Hàng tới cảng đích

D. Hàng giao tại cửa khách

56. CIF nghĩa là: (27)

A. Cost, Insurance, Freight - người bán trả cước và bảo hiểm đến cảng đích

B. Người mua trả bảo hiểm

C. Người bán không trả cước

D. Không áp dụng

57. B/L (Bill of Lading) đóng vai trò: (28)

A. Bằng chứng hợp đồng vận chuyển và chứng từ sở hữu hàng

B. Phiếu lương

C. Hóa đơn bán lẻ

D. Đơn xin phép

58. AWB là vận đơn cho: (29)

A. Hàng không (air waybill)

B. Hàng đường biển

C. Hàng đường bộ

D. Hàng nội bộ

59. Quản trị gồm mấy chức năng cơ bản theo mô hình cổ điển của Fayol? (30)

A. 2

B. 3

C. 4

D. 5

60. Chức năng 'lập kế hoạch' trong quản trị bao gồm điều gì? (31)

A. Xác định mục tiêu và phương án đạt mục tiêu

B. Tuyển dụng nhân sự

C. Kiểm kê hàng tồn kho

D. Thanh toán nhà cung cấp

61. Chi phí cơ hội (opportunity cost) là gì trong ra quyết định kinh doanh? (32)

A. Chi phí đã chi ra

B. Giá trị tốt nhất bị bỏ lỡ khi chọn một phương án

C. Chi phí cố định

D. Thuế phải nộp

62. Điểm hòa vốn (break-even point) đạt khi: (33)

A. Doanh thu = 0

B. Doanh thu = Chi phí biến đổi

C. Doanh thu = Tổng chi phí (chi phí cố định + biến đổi)

D. Doanh thu > Tổng chi phí

63. Trong phân tích PESTLE, chữ 'E' đại diện cho yếu tố nào? (34)

A. Economic (Kinh tế)

B. Environmental (Môi trường)

C. Ethical (Đạo đức)

D. Educational (Giáo dục)

64. Mô hình 5 lực lượng cạnh tranh của Porter dùng để phân tích điều gì? (35)

A. Năng lực nhân sự

B. Môi trường pháp lý

C. Mức độ cạnh tranh trong ngành

D. Quy trình sản xuất

65. KPI 'On-time delivery' đo lường điều gì? (36)

A. Tỷ lệ giao hàng đúng hạn

B. Số lượng nhân viên giao nhận

C. Số lượng xe

D. Số kho

66. SMART là tiêu chí đặt mục tiêu bao gồm: (37)

A. Specific, Measurable, Achievable, Relevant, Time-bound

B. Simple, Manageable,...

C. Strategic, Measurable,...

D. Specific, Measurable, Ambiguous, Reliable, Time-bound

67. Lean management tập trung chính vào: (38)

A. Giảm lãng phí và tối ưu quy trình

B. Tăng tồn kho

C. Tăng nhân viên

D. Mở rộng thị trường

68. Kaizen trong quản trị được hiểu là: (39)

A. Cải tiến liên tục

B. Thay đổi đột ngột

C. Giảm nhân sự

D. Tăng tồn kho

69. Forecasting định lượng khác định tính ở điểm nào? (40)

A. Dùng số liệu lịch sử và mô hình toán

B. Dựa trên cảm tính

C. Dựa trên khảo sát duy nhất

D. Không khác

70. Mô hình EOQ dùng để tối ưu: (41)

A. Lượng đặt hàng tối ưu để giảm tổng chi phí đặt hàng và tồn kho

B. Số lượng nhân viên

C. Số kho

D. Kích thước pallet

71. Reorder Point (ROP) thường tính dựa trên: (42)

A. Lead time và nhu cầu trung bình

B. Giá thành sản phẩm

C. Quy mô nhà máy

D. Số nhân viên kho

72. Safety stock được sử dụng để: (43)

A. Bù trừ biến động nhu cầu hoặc lead time để tránh stockout

B. Tăng chi phí lưu kho

C. Thay thế FIFO

D. Giảm tốc độ giao

73. Bullwhip effect mô tả hiện tượng: (44)

A. Dao động nhu cầu ngày càng lớn đi lên chuỗi cung ứng do thông tin bị biến dạng

B. Giá giảm

C. Gia tăng SKU

D. Tăng nhân sự

74. ABC Analysis phân loại tồn kho theo tiêu chí: (45)

A. Giá trị tiêu thụ/trị giá để tập trung quản lý

B. Trọng lượng

C. Số lượng palet

D. Kích thước

75. MAD (Mean Absolute Deviation) dùng để: (46)

A. Đo độ sai số trung bình tuyệt đối của dự báo

B. Đo thời gian giao hàng

C. Đo số nhân viên

D. Đo kích thước container

76. Cross-docking là kỹ thuật: (47)

A. Chuyển hàng trực tiếp từ nhập khẩu sang xuất giảm tồn kho

B. Lưu kho dài hạn

C. Giao hàng COD

D. Giao hàng nội bộ

77. ERP trong doanh nghiệp thường tích hợp: (48)

A. Tài chính, mua hàng, bán hàng, kho, sản xuất

B. Chỉ kho

C. Chỉ bán hàng

D. Chỉ tài chính

78. WMS hỗ trợ chính cho hoạt động nào? (49)

A. Put-away, picking, packing, kiểm kê

B. Marketing

C. Tuyển dụng

D. Kế toán

79. TMS (Transportation Management System) giúp tối ưu: (50)

A. Tuyển đường, kế hoạch giao và chi phí vận tải

B. Tuyển dụng

C. Kho bãi

D. Marketing

80. RFID khác barcode ở điểm nào? (51)

A. RFID đọc được từ xa và nhiều thẻ cùng lúc, barcode cần line-of-sight

B. RFID rẻ hơn barcode

C. RFID dùng giấy

D. RFID không cần nguồn

81. Blockchain có thể áp dụng trong SCM để: (52)

A. Tăng tính minh bạch và truy xuất nguồn gốc

B. Thay thế nhân viên

C. Tăng chi phí

D. Giảm tốc độ giao

82. IoT trong logistics thường dùng cho: (53)

A. Giám sát vị trí và điều kiện hàng (nhiệt độ, độ ẩm) thời gian thực

B. In invoice

C. Chấm công

D. Tuyển dụng

83. Incoterms dùng để quy định: (54)

A. Nghĩa vụ chi phí và rủi ro giữa người bán và người mua

B. Màu sắc bao bì

C. Số lượng pallet

D. Kích thước kho

84. FOB (Free On Board) chỉ ra người bán chịu rủi ro đến khi: (55)

A. Hàng qua lan can tàu tại cảng xếp hàng

B. Hàng tới kho người mua

C. Hàng tới cảng đích

D. Hàng giao tại cửa khách

85. CIF nghĩa là: (56)

A. Cost, Insurance, Freight - người bán trả cước và bảo hiểm đến cảng đích

B. Người mua trả bảo hiểm

C. Người bán không trả cước

D. Không áp dụng

86. B/L (Bill of Lading) đóng vai trò: (57)

A. Bằng chứng hợp đồng vận chuyển và chứng từ sở hữu hàng

B. Phiếu lương

C. Hóa đơn bán lẻ

D. Đơn xin phép

87. AWB là vận đơn cho: (58)

A. Hàng không (air waybill)

B. Hàng đường biển

C. Hàng đường bộ

D. Hàng nội bộ

88. Quản trị gồm mấy chức năng cơ bản theo mô hình cổ điển của Fayol? (59)

A. 2

B. 3

C. 4

D. 5

89. Chức năng 'lập kế hoạch' trong quản trị bao gồm điều gì? (60)

A. Xác định mục tiêu và phương án đạt mục tiêu

B. Tuyển dụng nhân sự

C. Kiểm kê hàng tồn kho

D. Thanh toán nhà cung cấp

90. Chi phí cơ hội (opportunity cost) là gì trong ra quyết định kinh doanh? (61)

A. Chi phí đã chi ra

B. Giá trị tốt nhất bị bỏ lỡ khi chọn một phương án

C. Chi phí cố định

D. Thuế phải nộp

91. Điểm hòa vốn (break-even point) đạt khi: (62)

A. Doanh thu = 0

B. Doanh thu = Chi phí biến đổi

C. Doanh thu = Tổng chi phí (chi phí cố định + biến đổi)

D. Doanh thu > Tổng chi phí

92. Trong phân tích PESTLE, chữ 'E' đại diện cho yếu tố nào? (63)

A. Economic (Kinh tế)

B. Environmental (Môi trường)

C. Ethical (Đạo đức)

D. Educational (Giáo dục)

93. Mô hình 5 lực lượng cạnh tranh của Porter dùng để phân tích điều gì? (64)

A. Năng lực nhân sự

B. Môi trường pháp lý

C. Mức độ cạnh tranh trong ngành

D. Quy trình sản xuất

94. KPI 'On-time delivery' đo lường điều gì? (65)

A. Tỷ lệ giao hàng đúng hạn

B. Số lượng nhân viên giao nhận

C. Số lượng xe

D. Số kho

95. SMART là tiêu chí đặt mục tiêu bao gồm: (66)

A. Specific, Measurable, Achievable, Relevant, Time-bound

B. Simple, Manageable,...

C. Strategic, Measurable,...

D. Specific, Measurable, Ambiguous, Reliable, Time-bound

96. Lean management tập trung chính vào: (67)

A. Giảm lãng phí và tối ưu quy trình

B. Tăng tồn kho

C. Tăng nhân viên

D. Mở rộng thị trường

97. Kaizen trong quản trị được hiểu là: (68)

A. Cải tiến liên tục

B. Thay đổi đột ngột

C. Giảm nhân sự

D. Tăng tồn kho

98. Forecasting định lượng khác định tính ở điểm nào? (69)

A. Dùng số liệu lịch sử và mô hình toán

B. Dựa trên cảm tính

C. Dựa trên khảo sát duy nhất

D. Không khác

99. Mô hình EOQ dùng để tối ưu: (70)

A. Lượng đặt hàng tối ưu để giảm tổng chi phí đặt hàng và tồn kho

B. Số lượng nhân viên

C. Số kho

D. Kích thước pallet

100. Reorder Point (ROP) thường tính dựa trên: (71)

A. Lead time và nhu cầu trung bình

B. Giá thành sản phẩm

C. Quy mô nhà máy

D. Số nhân viên kho

101. Safety stock được sử dụng để: (72)

A. Bù trừ biến động nhu cầu hoặc lead time để tránh stockout

B. Tăng chi phí lưu kho

C. Thay thế FIFO

D. Giảm tốc độ giao

102. Bullwhip effect mô tả hiện tượng: (73)

A. Dao động nhu cầu ngày càng lớn đi lên chuỗi cung ứng do thông tin bị biến dạng

B. Giá giảm

C. Giá tăng SKU

D. Tăng nhân sự

103. ABC Analysis phân loại tồn kho theo tiêu chí: (74)

A. Giá trị tiêu thụ/trị giá để tập trung quản lý

B. Trọng lượng

C. Số lượng pallet

D. Kích thước

104. MAD (Mean Absolute Deviation) dùng để: (75)

A. Đo độ sai số trung bình tuyệt đối của dự báo

B. Đo thời gian giao hàng

C. Đo số nhân viên

D. Đo kích thước container

105. Cross-docking là kỹ thuật: (76)

A. Chuyển hàng trực tiếp từ nhập khẩu sang xuất giảm tồn kho

B. Lưu kho dài hạn

C. Giao hàng COD

D. Giao hàng nội bộ

106. ERP trong doanh nghiệp thường tích hợp: (77)

A. Tài chính, mua hàng, bán hàng, kho, sản xuất

B. Chỉ kho

C. Chỉ bán hàng

D. Chỉ tài chính

107. WMS hỗ trợ chính cho hoạt động nào? (78)

A. Put-away, picking, packing, kiểm kê

B. Marketing

C. Tuyển dụng

D. Kế toán

108. TMS (Transportation Management System) giúp tối ưu: (79)

A. Tuyến đường, kế hoạch giao và chi phí vận tải

B. Tuyển dụng

C. Kho bãi

D. Marketing

109. RFID khác barcode ở điểm nào? (80)

A. RFID đọc được từ xa và nhiều thẻ cùng lúc, barcode cần line-of-sight

B. RFID rẻ hơn barcode

C. RFID dùng giấy

D. RFID không cần nguồn

110. Blockchain có thể áp dụng trong SCM để: (81)

A. Tăng tính minh bạch và truy xuất nguồn gốc

B. Thay thế nhân viên

C. Tăng chi phí

D. Giảm tốc độ giao

111. IoT trong logistics thường dùng cho: (82)

A. Giám sát vị trí và điều kiện hàng (nhiệt độ, độ ẩm) thời gian thực

B. In invoice

C. Chấm công

D. Tuyển dụng

112. Incoterms dùng để quy định: (83)

A. Nghĩa vụ chi phí và rủi ro giữa người bán và người mua

B. Màu sắc bao bì

C. Số lượng pallet

D. Kích thước kho

113. FOB (Free On Board) chỉ ra người bán chịu rủi ro đến khi: (84)

A. Hàng qua lan can tàu tại cảng xếp hàng

B. Hàng tới kho người mua

C. Hàng tới cảng đích

D. Hàng giao tại cửa khách

114. CIF nghĩa là: (85)

A. Cost, Insurance, Freight - người bán trả cước và bảo hiểm đến cảng đích

B. Người mua trả bảo hiểm

C. Người bán không trả cước

D. Không áp dụng

115. B/L (Bill of Lading) đóng vai trò: (86)

A. Bằng chứng hợp đồng vận chuyển và chứng từ sở hữu hàng

B. Phiếu lương

C. Hóa đơn bán lẻ

D. Đơn xin phép

116. AWB là vận đơn cho: (87)

A. Hàng không (air waybill)

B. Hàng đường biển

C. Hàng đường bộ

D. Hàng nội bộ

117. Quản trị gồm mấy chức năng cơ bản theo mô hình cổ điển của Fayol? (88)

A. 2

B. 3

C. 4

D. 5

118. Chức năng 'lập kế hoạch' trong quản trị bao gồm điều gì? (89)

A. Xác định mục tiêu và phương án đạt mục tiêu

B. Tuyển dụng nhân sự

C. Kiểm kê hàng tồn kho

D. Thanh toán nhà cung cấp

119. Chi phí cơ hội (opportunity cost) là gì trong ra quyết định kinh doanh? (90)

A. Chi phí đã chi ra

B. Giá trị tốt nhất bị bỏ lỡ khi chọn một phương án

C. Chi phí cố định

D. Thuế phải nộp

120. Điểm hòa vốn (break-even point) đạt khi: (91)

A. Doanh thu = 0

B. Doanh thu = Chi phí biến đổi

C. Doanh thu = Tổng chi phí (chi phí cố định + biến đổi)

D. Doanh thu > Tổng chi phí

121. Trong phân tích PESTLE, chữ 'E' đại diện cho yếu tố nào? (92)

A. Economic (Kinh tế)

B. Environmental (Môi trường)

C. Ethical (Đạo đức)

D. Educational (Giáo dục)

122. Mô hình 5 lực lượng cạnh tranh của Porter dùng để phân tích điều gì? (93)

A. Năng lực nhân sự

B. Môi trường pháp lý

C. Mức độ cạnh tranh trong ngành

D. Quy trình sản xuất

123. KPI 'On-time delivery' đo lường điều gì? (94)

A. Tỷ lệ giao hàng đúng hạn

B. Số lượng nhân viên giao nhận

C. Số lượng xe

D. Số kho

124. SMART là tiêu chí đặt mục tiêu bao gồm: (95)

A. Specific, Measurable, Achievable, Relevant, Time-bound

B. Simple, Manageable,...

C. Strategic, Measurable,...

D. Specific, Measurable, Ambiguous, Reliable, Time-bound

125. Lean management tập trung chính vào: (96)

A. Giảm lãng phí và tối ưu quy trình

- B. Tăng tồn kho
- C. Tăng nhân viên
- D. Mở rộng thị trường

126. Kaizen trong quản trị được hiểu là: (97)

- A. Cải tiến liên tục
- B. Thay đổi đột ngột
- C. Giảm nhân sự
- D. Tăng tồn kho

127. Forecasting định lượng khác định tính ở điểm nào? (98)

- A. Dùng số liệu lịch sử và mô hình toán
- B. Dựa trên cảm tính
- C. Dựa trên khảo sát duy nhất
- D. Không khác

128. Mô hình EOQ dùng để tối ưu: (99)

- A. Lượng đặt hàng tối ưu để giảm tổng chi phí đặt hàng và tồn kho
- B. Số lượng nhân viên
- C. Số kho
- D. Kích thước pallet

129. Reorder Point (ROP) thường tính dựa trên: (100)

- A. Lead time và nhu cầu trung bình
- B. Giá thành sản phẩm
- C. Quy mô nhà máy
- D. Số nhân viên kho

130. Safety stock được sử dụng để: (101)

- A. Bù trừ biến động nhu cầu hoặc lead time để tránh stockout
- B. Tăng chi phí lưu kho

C. Thay thế FIFO

D. Giảm tốc độ giao

131. Bullwhip effect mô tả hiện tượng: (102)

A. Dao động nhu cầu ngày càng lớn đi lên chuỗi cung ứng do thông tin bị biến dạng

B. Giá giảm

C. Giá tăng SKU

D. Tăng nhân sự

132. ABC Analysis phân loại tồn kho theo tiêu chí: (103)

A. Giá trị tiêu thụ/tri giá để tập trung quản lý

B. Trọng lượng

C. Số lượng palet

D. Kích thước

133. MAD (Mean Absolute Deviation) dùng để: (104)

A. Đo độ sai số trung bình tuyệt đối của dự báo

B. Đo thời gian giao hàng

C. Đo số nhân viên

D. Đo kích thước container

134. Cross-docking là kỹ thuật: (105)

A. Chuyển hàng trực tiếp từ nhập khẩu sang xuất giảm tồn kho

B. Lưu kho dài hạn

C. Giao hàng COD

D. Giao hàng nội bộ

135. ERP trong doanh nghiệp thường tích hợp: (106)

A. Tài chính, mua hàng, bán hàng, kho, sản xuất

B. Chỉ kho

C. Chỉ bán hàng

D. Chỉ tài chính

136. WMS hỗ trợ chính cho hoạt động nào? (107)

A. Put-away, picking, packing, kiểm kê

B. Marketing

C. Tuyển dụng

D. Kế toán

137. TMS (Transportation Management System) giúp tối ưu: (108)

A. Tuyển đường, kế hoạch giao và chi phí vận tải

B. Tuyển dụng

C. Kho bãi

D. Marketing

138. RFID khác barcode ở điểm nào? (109)

A. RFID đọc được từ xa và nhiều thẻ cùng lúc, barcode cần line-of-sight

B. RFID rẻ hơn barcode

C. RFID dùng giấy

D. RFID không cần nguồn

139. Blockchain có thể áp dụng trong SCM để: (110)

A. Tăng tính minh bạch và truy xuất nguồn gốc

B. Thay thế nhân viên

C. Tăng chi phí

D. Giảm tốc độ giao

140. IoT trong logistics thường dùng cho: (111)

A. Giám sát vị trí và điều kiện hàng (nhiệt độ, độ ẩm) thời gian thực

B. In invoice

C. Chấm công

D. Tuyển dụng

141. Incoterms dùng để quy định: (112)

A. Nghĩa vụ chi phí và rủi ro giữa người bán và người mua

B. Màu sắc bao bì

C. Số lượng pallet

D. Kích thước kho

142. FOB (Free On Board) chỉ ra người bán chịu rủi ro đến khi: (113)

A. Hàng qua lan can tàu tại cảng xếp hàng

B. Hàng tới kho người mua

C. Hàng tới cảng đích

D. Hàng giao tại cửa khách

143. CIF nghĩa là: (114)

A. Cost, Insurance, Freight - người bán trả cước và bảo hiểm đến cảng đích

B. Người mua trả bảo hiểm

C. Người bán không trả cước

D. Không áp dụng

144. B/L (Bill of Lading) đóng vai trò: (115)

A. Bằng chứng hợp đồng vận chuyển và chứng từ sở hữu hàng

B. Phiếu lương

C. Hóa đơn bán lẻ

D. Đơn xin phép

145. AWB là vận đơn cho: (116)

A. Hàng không (air waybill)

B. Hàng đường biển

C. Hàng đường bộ

D. Hàng nội bộ

146. Quản trị gồm mấy chức năng cơ bản theo mô hình cổ điển của Fayol? (117)

A. 2

B. 3

C. 4

D. 5

147. Chức năng 'lập kế hoạch' trong quản trị bao gồm điều gì? (118)

A. Xác định mục tiêu và phương án đạt mục tiêu

B. Tuyển dụng nhân sự

C. Kiểm kê hàng tồn kho

D. Thanh toán nhà cung cấp

148. Chi phí cơ hội (opportunity cost) là gì trong ra quyết định kinh doanh? (119)

A. Chi phí đã chi ra

B. Giá trị tốt nhất bị bỏ lỡ khi chọn một phương án

C. Chi phí cố định

D. Thuế phải nộp

149. Điểm hòa vốn (break-even point) đạt khi: (120)

A. Doanh thu = 0

B. Doanh thu = Chi phí biến đổi

C. Doanh thu = Tổng chi phí (chi phí cố định + biến đổi)

D. Doanh thu > Tổng chi phí

150. Trong phân tích PESTLE, chữ 'E' đại diện cho yếu tố nào? (121)

A. Economic (Kinh tế)

B. Environmental (Môi trường)

C. Ethical (Đạo đức)

D. Educational (Giáo dục)